

事業者名	川重冷熱工業株式会社
------	------------

認定種類	認定番号	認定年月日	代表型式	定格出力 冷房 (kW)	定格出力 暖房 (kW)	その他型式	備考
グレードA	GAX233003	2024年1月29日	NHG-0100AN6A	352	248	NHJ-0100AN5A, NHJ-0100AP5A, NHJ-0100AQ5A, NHJ-0100AN7A, NHJ-0100AP7A, NHJ-0100AQ7A, NHJ-0100AN9A, NHJ-0100AP9A, NHJ-0100AQ9A, NHJ-0100EN5A, NHJ-0100EP5A, NHJ-0100EQ5A, NHJ-0100EN7A, NHJ-0100EP7A, NHJ-0100EQ7A, NHJ-0100EN9A, NHJ-0100EP9A, NHJ-0100EQ9A, NHJ-0100HN5A, NHJ-0100HP5A, NHJ-0100HQ5A, NHJ-0100HN7A, NHJ-0100HP7A, NHJ-0100HQ7A, NHJ-0100HN9A, NHJ-0100HP9A, NHJ-0100HQ9A, NHJ-0100MN5A, NHJ-0100MP5A, NHJ-0100MQ5A, NHJ-0100MN7A, NHJ-0100MP7A, NHJ-0100MQ7A, NHJ-0100MN9A, NHJ-0100MP9A, NHJ-0100MQ9A, NHJ-0100SN5A, NHJ-0100SP5A, NHJ-0100SQ5A, NHJ-0100SN7A, NHJ-0100SP7A, NHJ-0100SQ7A, NHJ-0100SN9A, NHJ-0100SP9A, NHJ-0100SQ9A, NHJ-0100WN5A, NHJ-0100WP5A, NHJ-0100WQ5A, NHJ-0100WN7A, NHJ-0100WP7A, NHJ-0100WQ7A, NHJ-0100WN9A, NHJ-0100WP9A, NHJ-0100WQ9A, NHG-0100AN5A, NHG-0100AP5A, NHG-0100AQ5A, NHG-0100AN7A, NHG-0100AP7A, NHG-0100AQ7A, NHG-0100AN9A, NHG-0100AP9A, NHG-0100AQ9A, NHG-0100EN5A, NHG-0100EP5A, NHG-0100EQ5A, NHG-0100EN7A, NHG-0100EP7A, NHG-0100EQ7A, NHG-0100EN9A, NHG-0100EP9A, NHG-0100EQ9A, NHG-0100HN5A, NHG-0100HP5A, NHG-0100HQ5A, NHG-0100HN7A, NHG-0100HP7A, NHG-0100HQ7A, NHG-0100HN9A, NHG-0100HP9A, NHG-0100HQ9A, NHG-0100MN5A, NHG-0100MP5A, NHG-0100MQ5A, NHG-0100MN7A, NHG-0100MP7A, NHG-0100MQ7A, NHG-0100MN9A, NHG-0100MP9A, NHG-0100MQ9A, NHG-0100SN5A, NHG-0100SP5A, NHG-0100SQ5A, NHG-0100SN7A, NHG-0100SP7A, NHG-0100SQ7A, NHG-0100SN9A, NHG-0100SP9A, NHG-0100SQ9A, NHG-0100WN5A, NHG-0100WP5A, NHG-0100WQ5A, NHG-0100WN7A, NHG-0100WP7A, NHG-0100WQ7A, NHG-0100WN9A, NHG-0100WP9A, NHG-0100WQ9A	